

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 02 tháng 6 năm 2020;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 122/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây;

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; Nơi cư trú: 69 đường P, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

- Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1989; Nơi cư trú: 69 đường P, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Quang H kết hôn với nhau vào tháng 4/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà chung sống tại số 69 đường P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, mặc dù gia đình đôi bên đã hòa giải nhưng vợ chồng không hòa hợp được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và không thể tiếp tục sống chung với nhau nên ông H, bà T làm đơn đề nghị công nhận thuận tình ly hôn. Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng bà T, ông H đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà T, ông H vẫn tiếp tục đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Quang H thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều

55 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Quang H thống nhất xác định vợ chồng ông, bà có 01 con chung tên Nguyễn Quang H, sinh ngày 30/10/2012. Ly hôn bà T, ông H thống nhất thỏa thuận: Giao con chung Nguyễn Quang H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Quang H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quang H xác định không có.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quang H xác định không có.

[5] Về lệ phí tòa án: Lệ phí việc hôn nhân gia đình do người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình chịu theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Quang H, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Quang H thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Quang H về việc nuôi dưỡng con chung như sau: Giao con chung Nguyễn Quang H, sinh ngày 30/10/2012 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Quang H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Quang H mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

Bên không nuôi dưỡng con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Quang H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì hàng tháng ông Nguyễn Quang H còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quang H xác định không có.

- *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quang H xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quang H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai thu số 0001092 ngày 14/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Như vậy bà T, ông H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường H, quận H, TP Đà Nẵng
(Số 42/2013, quyền số 01)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cường